

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH**

Về việc: Yêu cầu xác định con cho cha, mẹ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A

Thành phần giải quyết việc hôn nhân và gia đình gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Thị Thúy Hương
- Thư ký phiên họp: Ông Huỳnh Hoàng Tuấn – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A tham gia phiên họp: Bà Phạm Thị Lan Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc hôn nhân và gia đình thụ lý số: 373/2020/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2020 về Yêu cầu xác định con cho cha, mẹ theo Quyết định mở phiên họp số: 26/2020/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2021, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

1. Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và gia đình:
Bà Trần Thị Ng, sinh năm: 1972. (Vắng mặt)
Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1969. (Vắng mặt)
Cùng địa chỉ cư trú: ấp Trường Th, xã Trường L, huyện C, tỉnh H.
2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
 - 2.1. Chị Nguyễn Thị Ly N, sinh năm: 1992; (Vắng mặt)
 - 2.2. Bà Lê Thị K; (Vắng mặt)Cùng địa chỉ cư trú: ấp Trường Th, xã Trường L, huyện C, tỉnh H.

NỘI DUNG VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH:

Bà Trần Thị Ng và ông Nguyễn Văn T yêu cầu xác định chị Nguyễn Thị Ly N, sinh ngày: 23/3/1992; Địa chỉ cư trú: ấp Trường Th, xã Trường L, huyện C, tỉnh H là con ruột của ông T, bà Ng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc hôn nhân và gia đình được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bà Trần Thị Ng và ông Nguyễn Văn T có đơn yêu cầu xác định chị Nguyễn Thị Ly N là con của bà Ng ông T. Nơi đăng ký hộ

khẩu thường trú và nơi cư trú cuối cùng của chị Nguyễn Thị Ly N là ấp Trường Th, xã Trường L, huyện C, tỉnh H. Xét đây là việc hôn nhân và gia đình về yêu cầu xác định con cho cha, mẹ thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh H theo quy định tại khoản 10 Điều 29 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về tố tụng: Bà Lê Thị K, bà Nguyễn Thị Ly N, bà Trần Thị Ng, ông Nguyễn Văn T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Hội đồng phiên họp căn cứ Điều 367, Điều 369 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 mở phiên họp vắng mặt họ.

[3] Về nội dung: Nguyên vợ chồng bà Trần Thị Ng và ông Nguyễn Văn T kết hôn năm 1991, trên cơ sở tự nguyện. Trong thời gian chung sống, ông Tuấn và bà Nga có 03 người con chung tên là Nguyễn Thị Ly N, sinh năm: 1992; Nguyễn Hoàng Kh, sinh năm: 1998; Nguyễn Hoàng D, sinh năm: 2011.

Vào thời điểm sinh ra chị Nguyễn Thị Ly N, hoàn cảnh gia đình khó khăn, vợ chồng bà Nga ông T phải đi làm ăn nên gửi chị Ly N lại cho ông bà nội là ông Nguyễn Văn H (chết năm 2004) và bà Lê Thị K nuôi dưỡng. Đến khi chị Ly N đi học thì ông H đã thực hiện việc khai sinh và tại Giấy khai sinh, phần khai về cha mẹ đã ghi cha là ông Nguyễn Văn H, mẹ là bà Lê Thị K. Do không am hiểu pháp luật nên nghĩ việc trên không có vấn đề gì, nhưng đến nay việc khai sai về họ tên cha và họ tên mẹ làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của Nguyễn Thị Ly N nên ông T, bà Ng yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận chị Nguyễn Thị Ly N là con ruột của ông bà.

Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã ra Quyết định trưng cầu giám định ADN để xác định quan hệ huyết thống giữa bà Trần Thị Ng, ông Nguyễn Văn T với chị Nguyễn Thị Ly N, sinh ngày 23/3/1992.

Tại Kết luận giám định số 6549/C09B ngày 18 tháng 01 năm 2021 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an tại thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị Ng có mối quan hệ huyết thống cha – mẹ - con với Nguyễn Thị Ly N. Mặt khác, tại sổ hộ khẩu gia đình do ông Nguyễn Văn T làm chủ hộ có phần ghi thông tin Nguyễn Thị Ly N có mối quan hệ với chủ hộ là con.

Từ các căn cứ trên, đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị Ng. Công nhận chị Nguyễn Thị Ly N, sinh ngày 23/3/1992 là con ruột của ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị Ng.

[4] Tại phiên họp:

- Bà Trần Thị Ng, ông Nguyễn Văn T, bà Lê Thị K, chị Nguyễn Thị Ly N vắng mặt nên không có ý kiến.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A phát biểu quá trình thụ lý vụ việc đến khi giải quyết vụ việc và xác định quan hệ pháp luật của Tòa án đã đảm bảo đúng theo quy định pháp luật. Về nội dung đề nghị áp dụng Điều 29 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 89, Điều 101, 102 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị Ng.

Công nhận chị Nguyễn Thị Ly N là con ruột của ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị Ng.

[5] Xét thấy yêu cầu của ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị Ng và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng phiên họp chấp nhận.

[6] Về lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình: ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị Ng phải chịu 300.000đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Áp dụng khoản 10 Điều 29, Điều 35, khoản 2 Điều 39, Điều 149, Điều 361, Điều 363, Điều 366, Điều 367, Điều 369, Điều 370, Điều 371, Điều 372 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 88, Điều 89, Điều 101, Điều 102 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 37 của Nghị Quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

2. Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị Ng về việc xác định con cho cha, mẹ.

3. Xác định chị Nguyễn Thị Ly N, sinh ngày: 23/3/1992, địa chỉ cư trú: ấp Trường Th, xã Trường L, huyện C, tỉnh H là con của ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1969 và bà Trần Thị Ng, sinh năm: 1972; cùng địa chỉ cư trú: ấp Trường Th, xã Trường L, huyện C, tỉnh H.

4. Lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình: Ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị Ng phải chịu 300.000đồng. Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng lệ phí ông T, bà Ng đã nộp theo biên lai thu số 0007301 ngày 25 tháng 11 năm 2020 thành tiền lệ phí (ông T, bà Ng đã nộp xong).

5. Các đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ra quyết định.

6. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành A;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thúy Hương